

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ trong lĩnh vực giao thông vận tải thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Khánh Hòa tại Tờ trình số 5710/TTr-SXD ngày 16/12/2025; và ý kiến thống nhất của các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ trong lĩnh vực giao thông vận tải thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ thuộc danh mục thực hiện định giá, kê khai giá trong lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, làm cơ sở cho công tác quản lý nhà nước về giá theo quy định của Luật Giá và các văn bản pháp luật liên quan, bao gồm: Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga, bến thủy nội địa đầu tư từ ngân sách nhà nước; Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô; Dịch vụ trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Dịch vụ trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách; Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý giá trong lĩnh vực giao thông vận tải; Cơ quan, đơn vị (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập), tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trông giữ phương tiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

2. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực giao thông vận tải thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của các loại hình dịch vụ

1. Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga, bến thủy nội địa đầu tư từ ngân sách nhà nước

a) Đặc điểm loại hình dịch vụ: Dịch vụ công do cơ quan nhà nước hoặc đơn vị được ủy quyền cung cấp, nhằm phục vụ hoạt động ra, vào, neo đậu, đón trả khách, xếp dỡ hàng hóa của phương tiện vận tải thủy hoặc hành khách tại cảng, nhà ga, bến thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Đặc điểm cảng, nhà ga, bến thủy nội địa: gồm cầu cảng, bến, nhà ga hành khách, bãi hàng, đường nội bộ, hệ thống chiếu sáng, biển báo, nhà điều hành.

c) Chi phí vận hành: Chi phí mặt bằng, đầu tư xây dựng ban đầu, chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí bộ phận quản lý, duy tu bảo dưỡng, an ninh, vệ sinh môi trường, điện nước, bảo hiểm, tư vấn kiểm định hàng năm, chi phí khác có liên quan.

d) Hình thức thu phí dịch vụ: Theo lượt người qua bến, phương tiện ra vào hoặc khối lượng, chủng loại hàng hóa xếp dỡ.

2. Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô

a) Loại bến xe theo quyết định công bố bến xe; Chất lượng của bến xe (vị trí, quy mô, diện tích, số chỗ đỗ xe, mái che, mặt sân, hình thức thu phí, các dịch vụ khác).

b) Loại xe ra, vào bến gồm: xe tuyến cố định (loại xe theo số chỗ ngồi hoặc giường nằm, xe ngoài kế hoạch, xe tăng cường vào các ngày cuối tuần, lễ, tết, cao điểm), cự ly tuyến; xe vãng lai (xe đạp, xe mô tô, xe ô tô con, xe taxi, xe ô tô khách theo số chỗ ngồi hoặc giường nằm, xe ô tô tải theo trọng tải, các loại xe khác).

c) Theo thời gian, mật độ, tần suất hoạt động ra vào bến để tính toán chi phí và mức thu.

3. Dịch vụ trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Chất lượng của bến, bãi trông giữ xe (vị trí, quy mô, diện tích, số chỗ đỗ xe, mái che, mặt sân, hình thức thu phí, các dịch vụ khác).

b) Loại phương tiện trông giữ: xe đạp, xe mô tô, xe ô tô con, xe taxi, xe ô tô khách theo số chỗ ngồi hoặc giường nằm, xe ô tô tải theo trọng tải; các loại xe khác.

c) Phương thức hoạt động: trông giữ theo lượt, trông giữ theo giờ, trông giữ ban ngày/đêm, trông giữ theo tháng/quý/năm.

d) Chi phí: mặt bằng, đầu tư xây dựng ban đầu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí quản lý, duy tu bảo dưỡng, an ninh, vệ sinh môi trường, điện nước, bảo hiểm, chi phí khác.

đ) Cơ cấu tổ chức quản lý: đơn vị quản lý nhà nước, nhân viên trông giữ, bảo vệ.

4. Dịch vụ trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách

a) Các đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tương tự như khoản 3 Điều này nhưng do doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đầu tư.

b) Tự chủ về chi phí đầu tư, vận hành, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá kê khai.

5. Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi

a) Là dịch vụ vận chuyển hành khách theo yêu cầu, phạm vi và thời gian hoạt động linh hoạt đáp ứng nhu cầu thường xuyên.

b) Phương tiện sử dụng: Xe ô tô chở người có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm. Không sử dụng xe ô tô chở người có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) để kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi. Nhãn hiệu xe, số chỗ ngồi, năm sản xuất, loại nhiên liệu; đồng hồ, phần mềm tính tiền; trang bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị giám sát hành trình.

c) Chi phí: xăng dầu (điện năng nếu là xe điện), khấu hao, lương lái xe, phí cầu đường, bảo hiểm, phần mềm.

d) Dịch vụ kèm theo: hỗ trợ hành khách, thanh toán điện tử.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2026.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong trường hợp áp dụng đặc điểm kinh tế - kỹ thuật này, nếu có vướng mắc hoặc phát hiện bất hợp lý, đề nghị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng) để tổng hợp, điều chỉnh kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng (để b/c);
- Cục KTVB và QLXLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh - truyền hình Khánh Hòa;
- TTCB & CTTĐT tỉnh (đăng tải);
- VPUB: LĐVP, KT, NC;
- Lưu: VT, HT.

(Huy-KT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Huyền